

Số: /TB-THPT QT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO THU TIỀN ĐỢT 1 (THÁNG 09, 10/2024)  
NĂM HỌC: 2024-2025

Căn cứ Thông báo số 318/TB-THPT QT ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Trường THPT Quang Trung về việc thu học phí và thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024 – 2025.  
Căn cứ Thông báo số 319/TB-THPT QT ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Trường THPT Quang Trung về các học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí, tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày, chương trình nhà trường, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025.  
Trường THPT Quang Trung thông báo các khoản thu Đợt 1 (tháng 9/2024 và 10/2024) như sau:

1. KHỐI 10 VÀ KHỐI 11:

| DIỆN                                                                                                                                                                                                                                                                        | ĐỢT 1 (Thu từ 20/09/2024 đến 15/10/2024) |                         |            |                                                                     |                                                                                       |                           |                 |                                                                        |                                                 |                                                                                        | TỔNG SỐ TIỀN ĐỢT 1                                                |                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                             | BHYT                                     | BHTN                    | Học phẩm   | Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường) | Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số (tài khoản MegaSchool) | Tiền tổ chức 02 buổi/ngày | Học phí         | Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Tin học theo hướng chuẩn quốc tế" | Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài | Tiền tài trợ cho giáo dục                                                              | Các lớp học Tin học Quốc tế và học Tiếng Anh với người nước ngoài | Các lớp không học Tin học Quốc tế và học Tiếng Anh với người nước ngoài |
|                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tháng 01/2025 đến T12/2025               | Tháng 9/2024 đến 8/2025 | Cả năm học | Cả năm học                                                          | Cả năm học                                                                            | Tháng 9,10/2024           | Tháng 9,10/2024 | Tháng 9,10/2024                                                        | Tháng 9,10/2024                                 | Tháng 9,10/2024                                                                        |                                                                   |                                                                         |
| Học sinh diện bình thường                                                                                                                                                                                                                                                   | 884.520                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 110.000                                                                               | 560.000                   | 200.000         | 200.000                                                                | 400.000                                         | Quý phụ huynh đóng góp tự nguyện theo tinh thần thống nhất trong Hội nghị CMHS đầu năm | 2.487.520 và tiền tài trợ                                         | 2.287.520 và tiền tài trợ                                               |
| Học sinh diện NGHÈO (miễn 100%)                                                                                                                                                                                                                                             | 884.520                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 0                                                                                     | 0                         | 0               | 200.000                                                                | 400.000                                         |                                                                                        | 1.617.520 và tiền tài trợ                                         | 1.417.520 và tiền tài trợ                                               |
| Học sinh diện CẬN NGHÈO (giảm 50%)                                                                                                                                                                                                                                          | 884.520                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 55.000                                                                                | 280.000                   | 100.000         | 200.000                                                                | 400.000                                         |                                                                                        | 2.052.520 và tiền tài trợ                                         | 1.852.520 và tiền tài trợ                                               |
| Học sinh diện HỘ MỚI THOÁT MỨC CHUẨN HỘ CẬN NGHÈO (giảm 50%)                                                                                                                                                                                                                | 884.520                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 55.000                                                                                | 280.000                   | 100.000         | 200.000                                                                | 400.000                                         |                                                                                        | 2.052.520 và tiền tài trợ                                         | 1.852.520 và tiền tài trợ                                               |
| Học sinh diện khuyết tật, mồ côi, con của hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ, dân tộc thiểu số, con của người có công cách mạng, con của cán bộ - công chức - viên chức - công nhân mà cha hoặc mẹ bị tan nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên | 884.520                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 0                                                                                     | 560.000                   | 0               | 200.000                                                                | 400.000                                         |                                                                                        | 2.177.520 và tiền tài trợ                                         | 1.977.520 và tiền tài trợ                                               |

2. KHỐI 12:

| DIỆN                                                                                                                                                                                                                                                                        | ĐỢT 1 (Thu từ 20/09/2024 đến 15/10/2024) |                         |            |                                                                     |                                                                                       |                           |                 |                                                 |                                                                                        | TỔNG SỐ TIỀN ĐỢT 1                                |                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                             | BHYT                                     | BHTN                    | Học phẩm   | Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường) | Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (tài khoản MegaSchool) | Tiền tổ chức 02 buổi/ngày | Học phí         | Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài | Tiền tài trợ cho giáo dục                                                              | Các lớp học có học Tiếng Anh với người nước ngoài | Các lớp không học Tiếng Anh với người nước ngoài |
|                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tháng 01/2025 đến T9/2025                | Tháng 9/2024 đến 8/2025 | Cả năm học | Cả năm học                                                          | Cả năm học                                                                            | Tháng 9,10/2024           | Tháng 9,10/2024 | Tháng 9,10/2024                                 | Tháng 9,10/2024                                                                        |                                                   |                                                  |
| Học sinh diện bình thường                                                                                                                                                                                                                                                   | 663.390                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 110.000                                                                               | 560.000                   | 200.000         | 400.000                                         | Quý phụ huynh đóng góp tự nguyện theo tinh thần thống nhất trong Hội nghị CMHS đầu năm | 2.066.390 và tiền tài trợ                         | 1.666.390 và tiền tài trợ                        |
| Học sinh diện NGHÈO (miễn 100%)                                                                                                                                                                                                                                             | 663.390                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 0                                                                                     | 0                         | 0               | 400.000                                         |                                                                                        | 1.196.390 và tiền tài trợ                         | 796.390 và tiền tài trợ                          |
| Học sinh diện CẬN NGHÈO (giảm 50%)                                                                                                                                                                                                                                          | 663.390                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 55.000                                                                                | 280.000                   | 100.000         | 400.000                                         |                                                                                        | 1.631.390 và tiền tài trợ                         | 1.231.390 và tiền tài trợ                        |
| Học sinh diện HỘ MỚI THOÁT MỨC CHUẨN HỘ CẬN NGHÈO (giảm 50%)                                                                                                                                                                                                                | 663.390                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 55.000                                                                                | 280.000                   | 100.000         | 400.000                                         |                                                                                        | 1.631.390 và tiền tài trợ                         | 1.231.390 và tiền tài trợ                        |
| Học sinh diện khuyết tật, mồ côi, con của hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ, dân tộc thiểu số, con của người có công cách mạng, con của cán bộ - công chức - viên chức - công nhân mà cha hoặc mẹ bị tan nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên | 663.390                                  | 60.000                  | 50.000     | 23.000                                                              | 0                                                                                     | 560.000                   | 0               | 400.000                                         |                                                                                        | 1.756.390 và tiền tài trợ                         | 1.356.390 và tiền tài trợ                        |

Nơi nhận:

- Công thông tin trường;
- Các PHT, GVCN, PHHS, HS;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Uyên